CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Hàng tiêu dùng MASAN

Ngày 31/03/2024	133,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.6%	**54.0%**	**75.3%**

DT thuần
Q1/24
6,580
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,913| -22.5%
YoY: ▲ 543| 9.0%

LN thuần
Q1/24
1,888
tỷ VNĐ
QoQ: ▼724| -27.7%
YoY: ▲ 317| 20.2%

LN sau thuế
Q1/24
1,669
tỷ VNĐ
QoQ: ▼637| -27.6%
YoY: ▲ 281| 20.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
29.8%
YoY: +/-▼ 2.0%

ROE (TTM)
Q1/24
28.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	57,655 - 145,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	95,572
Số lượng CPLH (CP)	717,507,156
KLGD BQ 20 phiên (CP)	106,410
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.54
EPS	10,248
P/E	13.0

DT thuần
2023
28,241
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,264| 4.7%

LN thuần
2023
8,095
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,829| 29.2%

LN sau thuế
2023
7,194
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,661| 30.0%

Cơ cấu sở hữu

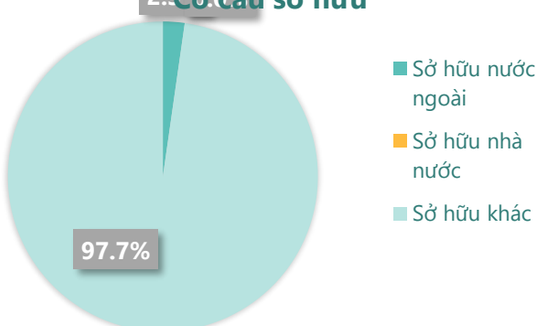

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

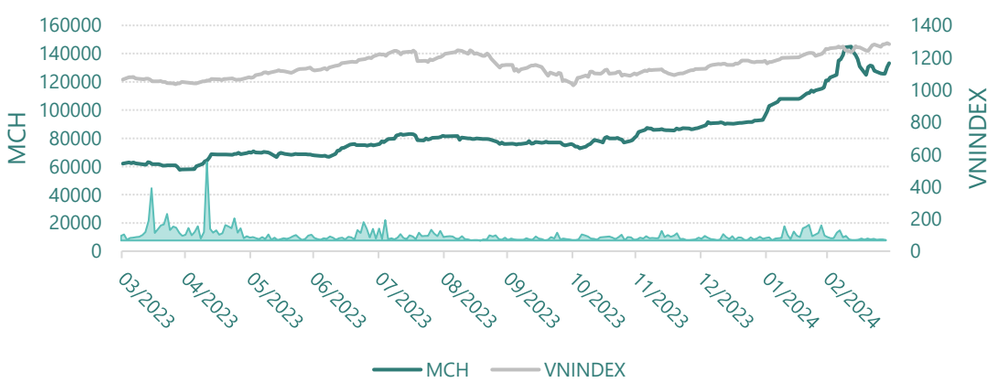

Cơ cấu cổ đông

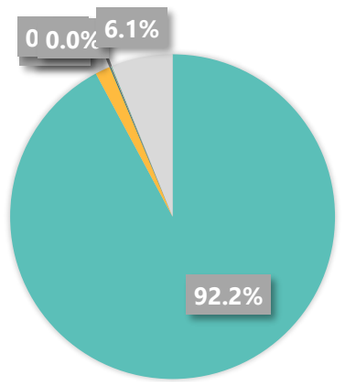

- Công ty TNHH Masan Consumer Holdings
- CTCP Hàng tiêu dùng MASAN
- Nguyễn Hoàng Yến (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Anh Nguyên
- Phạm Hồng Sơn (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

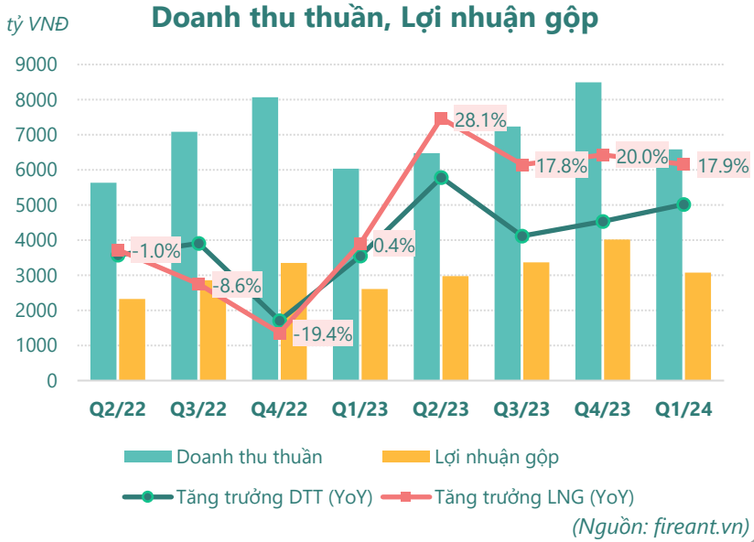

(Nguồn: fireant.vn)

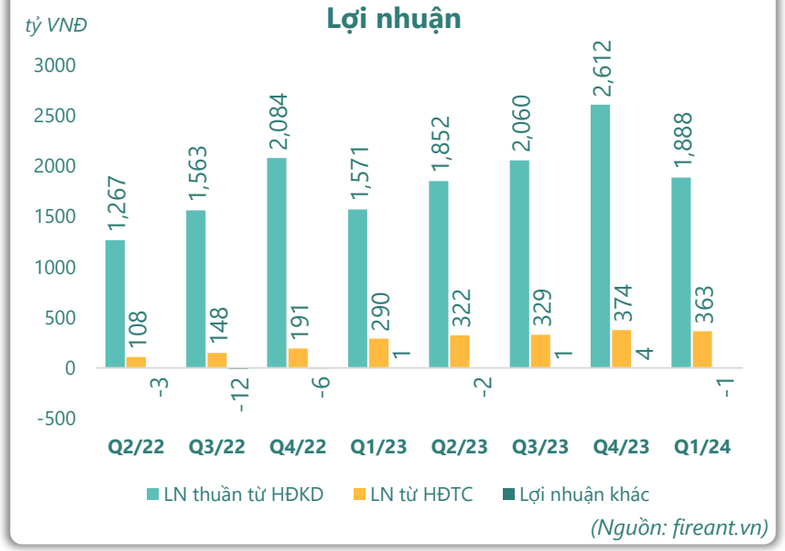

(Nguồn: fireant.vn)

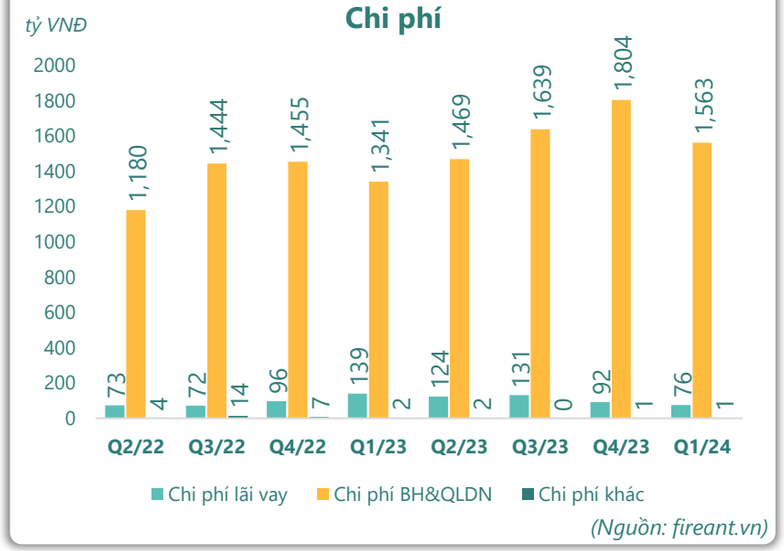

(Nguồn: fireant.vn)

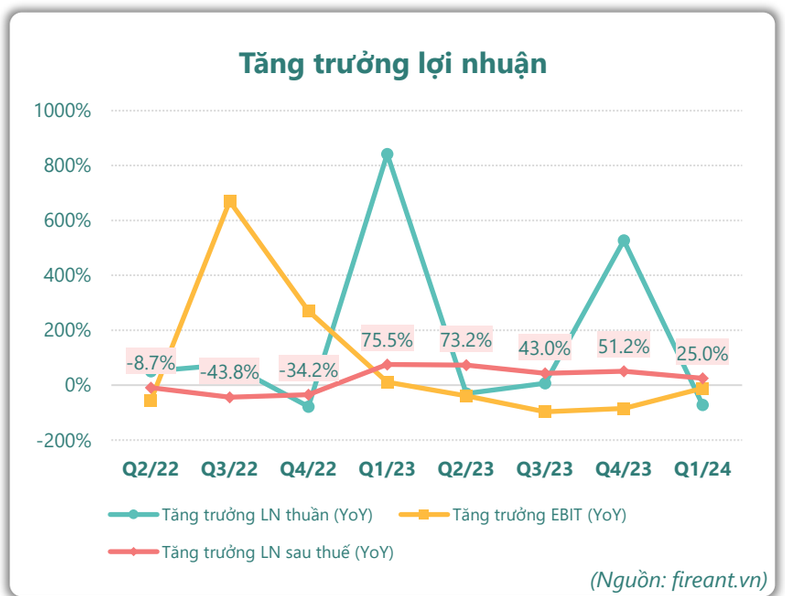

(Nguồn: fireant.vn)

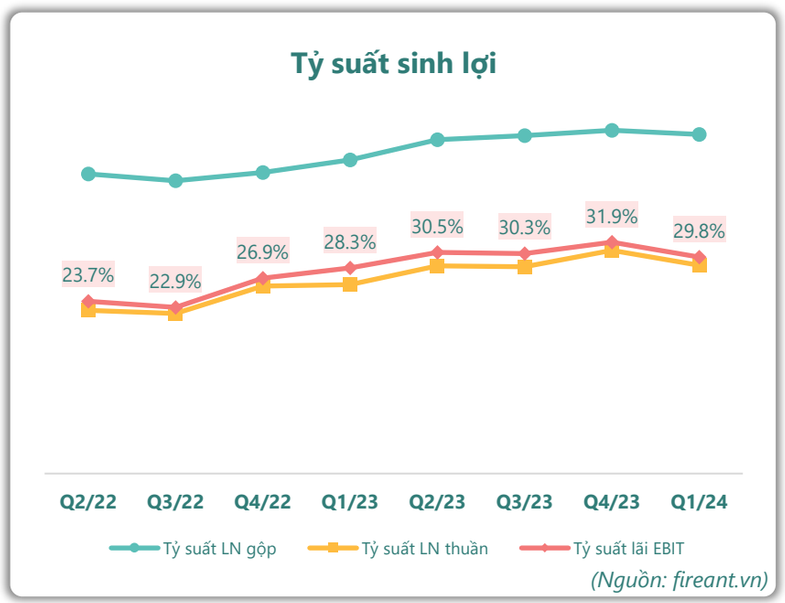

(Nguồn: fireant.vn)

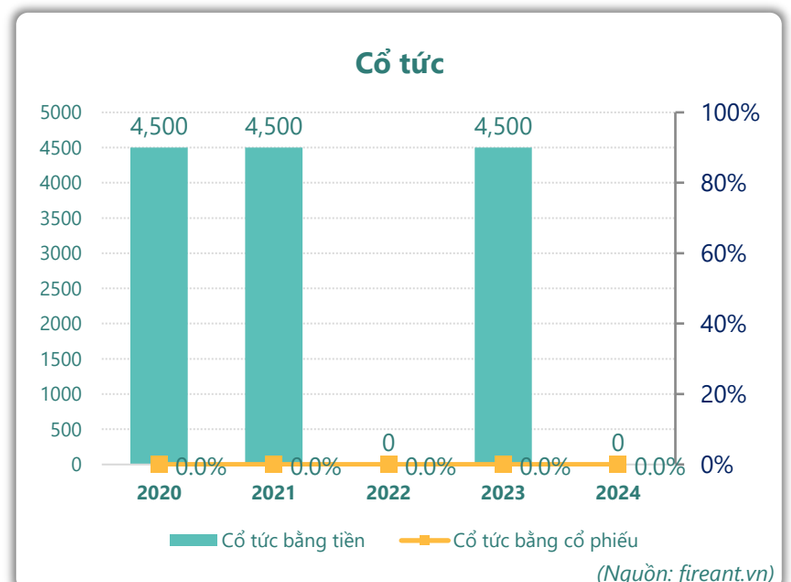

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

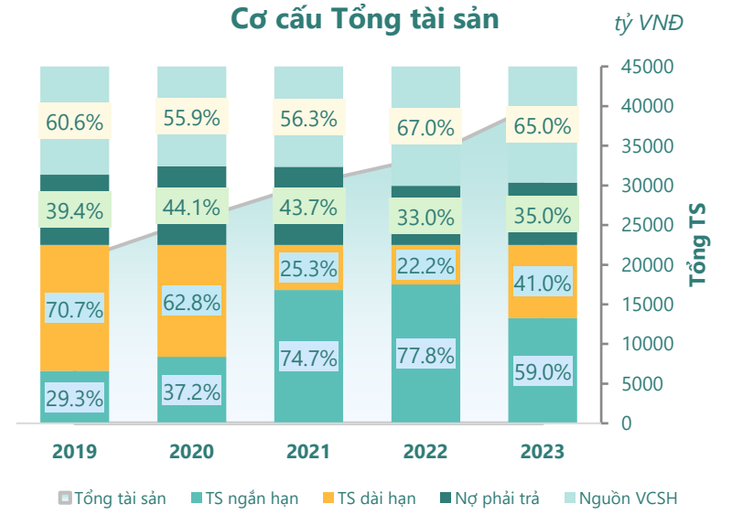

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

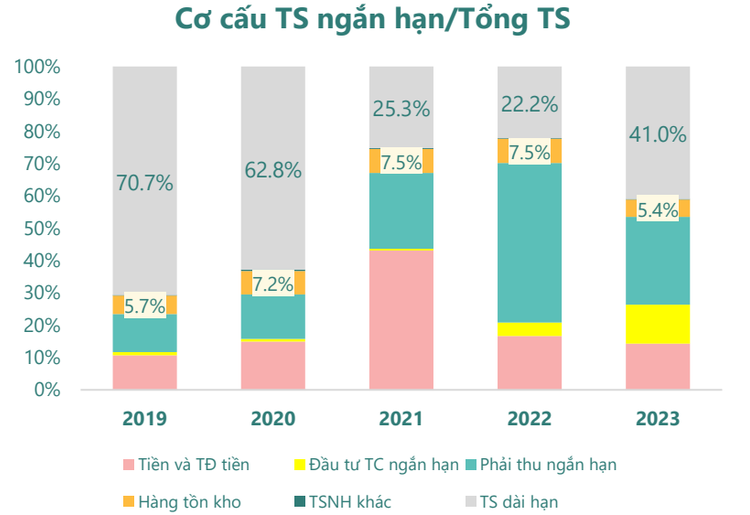

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

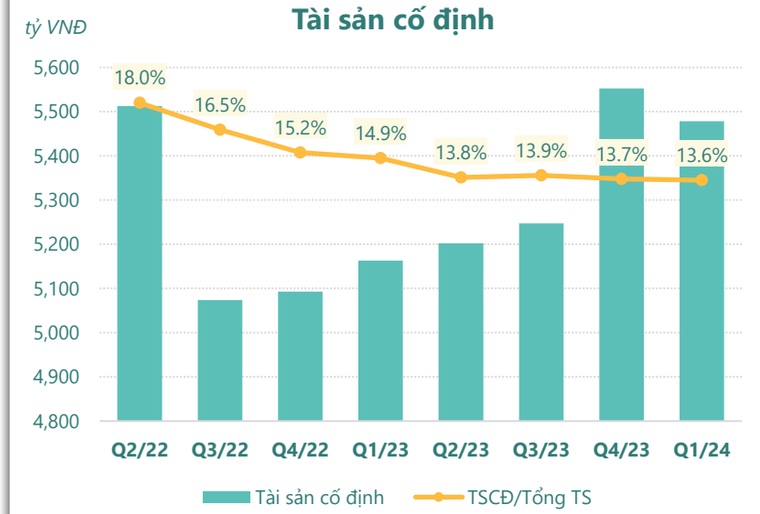

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

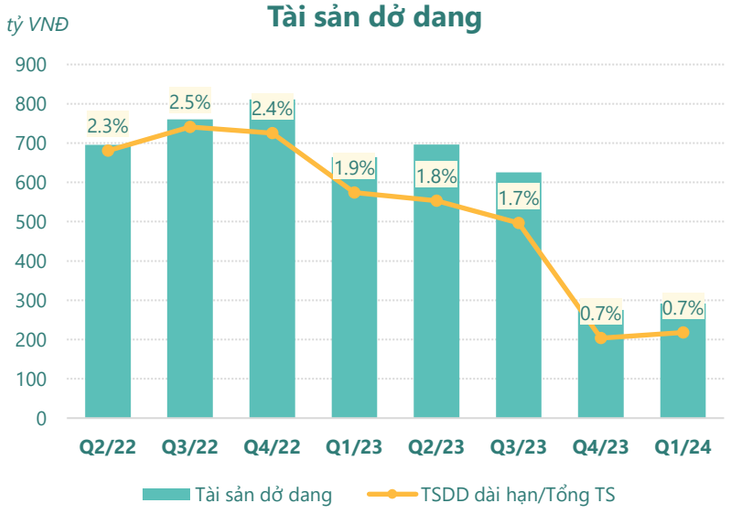

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

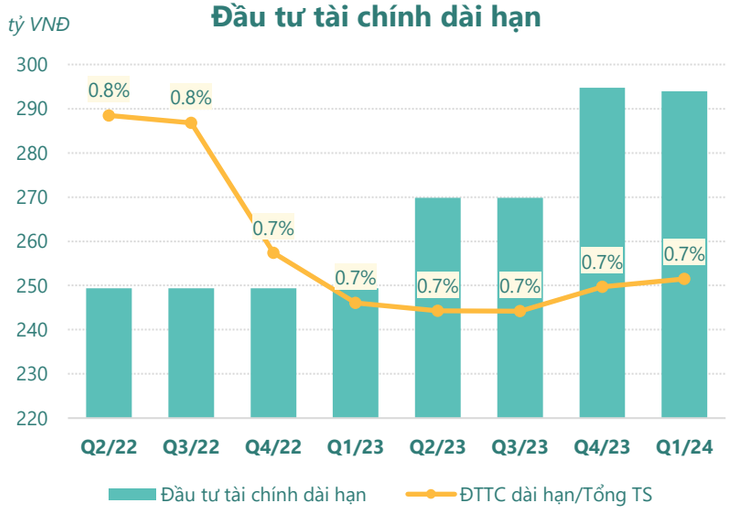

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

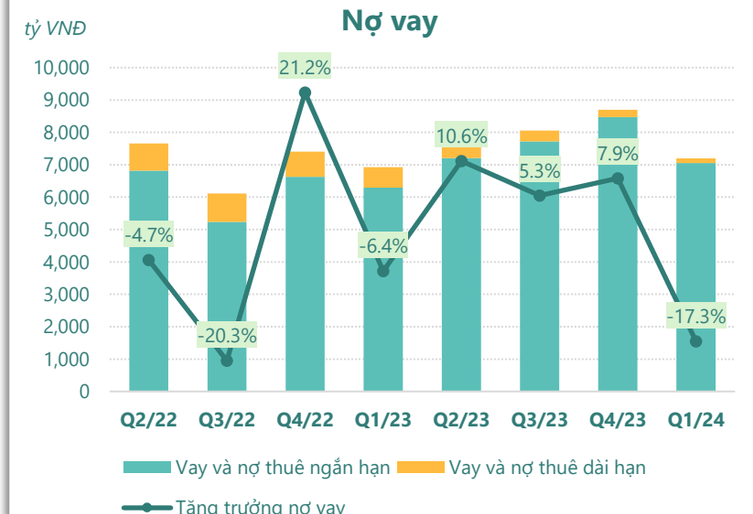

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

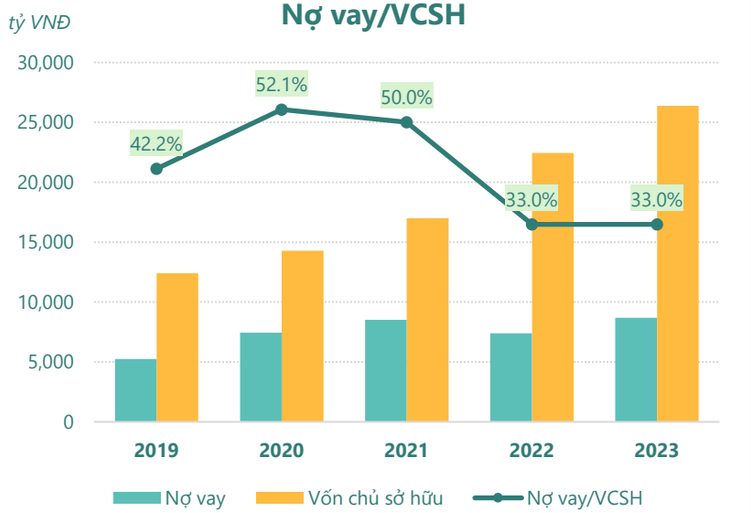

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

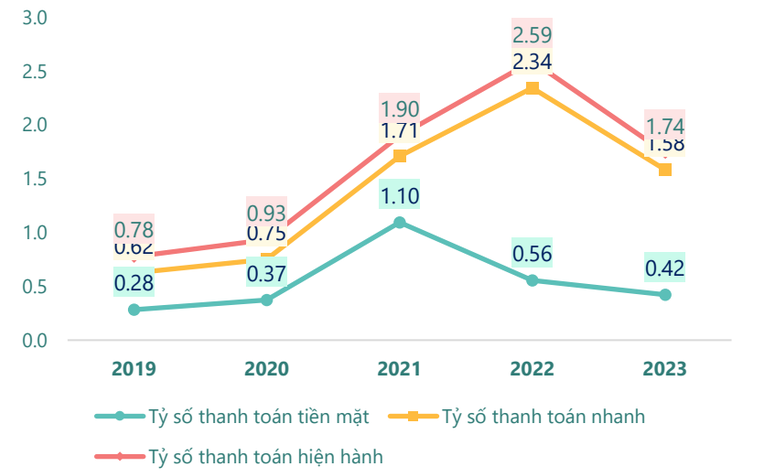

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

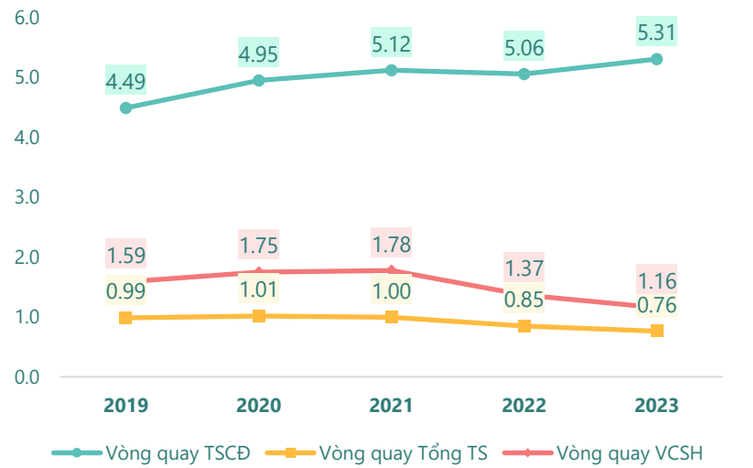

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

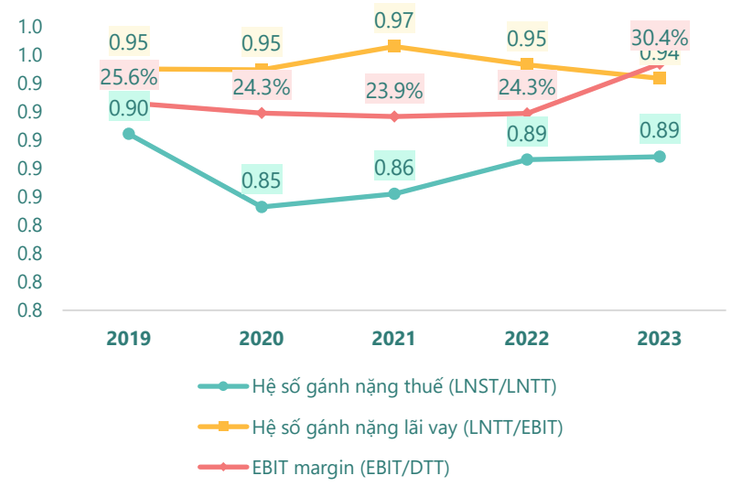

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

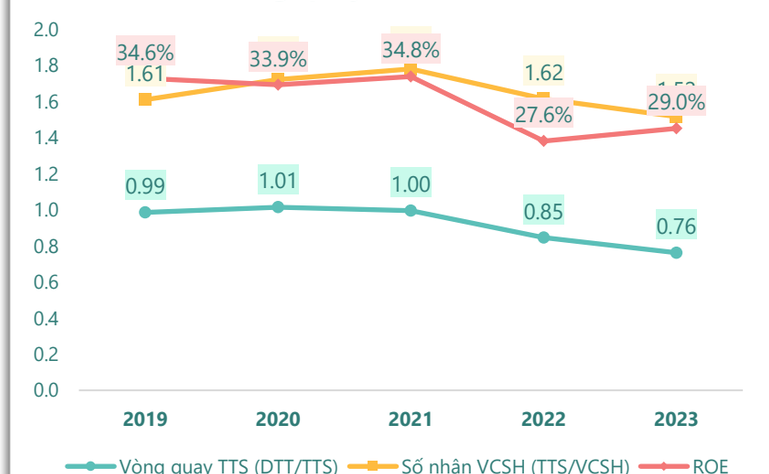

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

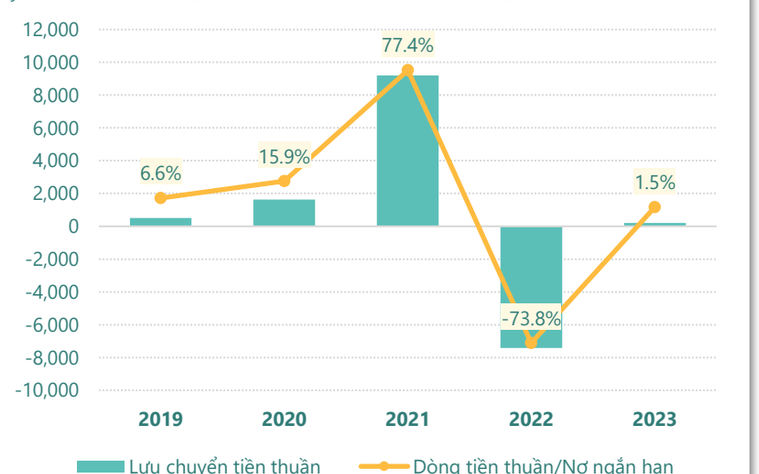

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6,580**	**6,037**	**9.0%**	**28,241**	**26,977**	**4.7%**
Giá vốn hàng bán	3,505	3,428	2.2%	15,267	15,846	-3.7%
Lợi nhuận gộp	3,076	2,609	17.9%	12,974	11,132	16.6%
Doanh thu HĐTC	446	433	3.0%	1,854	935	98.3%
Chi phí TC	83.4	143	-41.6%	538	385	39.7%
Chi phí lãi vay	75.8	139	-45.4%	485	307	57.9%
LN trong công ty LKLD	**12.5**	**13.3**	**-6.4%**	**58.7**	**13.3**	**341%**
Chi phí bán hàng	1,358	1,121	21.1%	5,328	4,527	17.7%
Chi phí QLDN	**205**	**220**	**-6.9%**	**926**	**901**	**2.7%**
LN thuần từ HĐKD	1,888	1,571	20.2%	8,095	6,266	29.2%
Lợi nhuận khác	**-0.78**	**0.62**	**-226%**	**4.09**	**-22.8**	**118%**
LN trước thuế	1,887	1,571	20.1%	8,099	6,243	29.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1,669**	**1,388**	**20.3%**	**7,194**	**5,533**	**30.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,645**	**1,377**	**19.5%**	**7,085**	**5,451**	**30.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,391	0	1,790	2,344	583	1,781
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-238	0	-2,502	-3,892	664	-797
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,290	0	729	174	606	-1,454
Tiền đầu kỳ	3,142	0	5,292	5,309	3,935	5,790
Lưu chuyển tiền thuần	**2,444**	**0**	**16.6**	**-1,374**	**1,853**	**-470**
Ảnh hưởng tỷ giá	2.59	0	0.40	-0.12	1.34	-1.13
Tiền cuối kỳ	5,588	0	5,309	3,935	5,790	5,319

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**40,212**	**40,553**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	23,450	23,922	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	5,319	5,790	-8.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,853	4,908	-41.9%
Phải thu ngắn hạn	12,782	10,989	16.3%
Hàng tồn kho	2,439	2,178	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	57.2	56.1	2.0%
Tài sản dài hạn	**16,762**	**16,631**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	9,506	9,338	1.8%
Tài sản cố định	5,479	5,552	-1.3%
Bất động sản đầu tư	5.35	5.75	-7.0%
Tài sản dở dang	292	275	6.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	294	295	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**1,066**	**1,039**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	120	126	-4.6%
Nợ phải trả	12,119	14,177	-14.5%
Nợ ngắn hạn	**11,758**	**13,729**	**-14.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,052	8,469	-16.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,699	2,024	-16.0%
Nợ dài hạn	362	448	-19.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	143	227	-37.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**28,092**	**26,376**	**6.5%**
Vốn chủ sở hữu	**28,092**	**26,376**	**6.5%**
Vốn điều lệ	7,284	7,275	0.1%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)